



xiōng qì

凶器

noun · murder weapon

Example Sentences

jǐng chá zhǎo dào le xiōng qì
警察找到了凶器。

The police found the murder weapon.

zhè bǎ dāo shì xiōng qì
这把刀是凶器。

This knife is the murder weapon.

Trace each character, then write the word on your own.

凶	凶	凶	凶	凶	凶	凶				
器	器	器	器	器	器	器	器	器	器	器
器	器	器	器	器	器	器	器			